

Bản án số: **127/2018/HNGĐ-ST**
Ngày 27-9-2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hữu Đoàn.

Bà Lê Ngọc Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1998 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp 9, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Lê Hoàng N, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp 19, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28-6-2018 và biên bản hòa giải ngày 21-8-2018 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Lê Hoàng N tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau ngày 08-12-2017. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N không tin tưởng chị trong quản lý tài chính, cũng như tình cảm và thường hay gây chuyện, khó khăn trong sinh hoạt hằng ngày; vợ chồng đã ly thân khoảng 02 tháng nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh N.

Về tài sản chung gồm: 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 18k cha mẹ chồng cho trong ngày cưới (chị đang quản lý) và 01 chiếc xe Future (không nhớ biển kiểm

soát) anh N đang quản lý, giá trị còn lại 2.500.000 đồng. Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục quản lý đôi bông tai; chị không yêu cầu phân chia xe mô tô mà đồng ý giao cho anh N tiếp tục quản lý, sử dụng.

Đối với 01 tấm lắc 02 chỉ vàng 18k, chị và anh N bán giá 4.200.000 đồng; Trả tiền thuê trang điểm và thuê đồ khi tổ chức lễ cưới 1.400.000 đồng, còn lại mua 01 chiếc nhẫn đến khoảng tháng 01-2018 ả vợ chồng bán giá 1.900.000 đồng để cùng đi Sài Gòn tìm việc làm; 01 sợi dây chuyền 02 chỉ vàng 24k, khi về sống với gia đình bên chồng chị đi đón cưới cùng với anh N bị mất (khoảng tháng 12-2017 ả).

Tại bản tự khai ngày 19-7-2018 và tại phiên tòa, bị đơn là anh Lê Hoàng N trình bày:

Anh N thống nhất với lời trình bày của chị T về thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Anh N thừa nhận quá trình chung sống anh không tin tưởng chị T trong việc quản lý tài sản. Nay anh N còn tình cảm yêu thương chị T nên không đồng ý ly hôn.

Về tài sản chung: Anh N xác định chị T đang quản lý 01 tấm lắc 02 chỉ vàng 18k, 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 18k và 01 sợi dây chuyền 02 chỉ vàng 24k. Nay anh N yêu cầu phân chia mỗi người hưởng ½. Chị T giao chiếc xe cho anh N, anh đồng ý nhận.

Về con chung và nợ chung: Chị T và anh N thống nhất xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Hoàng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Lê Hoàng N tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau vào ngày 08-12-2017 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị T, thấy rằng: Tại biên bản hòa giải ngày 21-8-2018, chị T và anh N đều xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do không tin tưởng nhau trong việc quản lý tài chính nhưng anh N không đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa, chị T thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn với anh N và khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ. Trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh N.

[4] Anh N yêu cầu phân chia 01 tấm lắc 02 chỉ vàng 18k, 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 18k và 01 sợi dây chuyền 02 chỉ vàng 24k. Xét thấy, anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên bị coi là từ bỏ yêu cầu và Tòa án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phân chia tài sản của anh N. Chị T và anh N có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án chia tài sản sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Về con chung, nợ chung: Chị T và anh N đều xác định trong quá trình chung sống không có con chung, không có nợ người khác và không ai nợ lại anh, chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của chị T, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[7] Do anh N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự, sung quỹ nhà nước số tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 2 Điều 227, Điều 218 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị T ly hôn với anh Lê Hoàng N.

- Về tài sản chung: Đình chỉ đối với yêu cầu của anh Lê Hoàng N về việc phân chia một tấm lắc 02 chỉ vàng 18k, một đôi bông tai 01 chỉ vàng 18k và sợi dây chuyền 02 chỉ vàng 24k.

Chị T và anh N có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án chia tài sản sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ngày 28 tháng 6 năm 2018, chị T đã dự nộp 300.000 đồng tại

biên lai số 0012070 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Sung quỹ nhà nước số tiền 300.000 đồng anh Lê Hoàng N đã dự nộp tại biên lai số 0012108 ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Lê Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Hoàng N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- UBND xã K, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Dương Minh Út